

CÔNG TY TNHH CHÍ MINH GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHÍ MINH GROUP
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHI MINH GROUP COMPANY LIMITED
Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110905280

3. Ngày thành lập: 03/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, ngõ 409 đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934547763 Fax:
Email: chiminhgroup@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc cổ truyền	2100
5.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
6.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
7.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3600
8.	Thoát nước và xử lý nước thải (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3700
9.	Thu gom rác thải không độc hại (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3811
10.	Thu gom rác thải độc hại (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3812

11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3821
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3822
13.	Tái chế phế liệu (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3830
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	3900
15.	Xây dựng nhà để ở	4101
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102
17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình thủy	4291
24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (trừ chia tách với cải tạo đất)	4299
27.	Phá dỡ (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
35.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
37.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
38.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của đấu giá viên); - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
41.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
42.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
43.	Bán buôn thực phẩm (trừ kinh doanh thực phẩm chức năng)	4632
44.	Bán buôn đồ uống (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4633
45.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: Bán buôn thuốc cổ truyền	4649
47.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế: Kinh doanh trang thiết bị y tế thuộc loại A, B, C, D	4659
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (trừ hóa chất nhà nước cấm kinh doanh) (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	4669
54.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh thực phẩm chức năng)	4722
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
59.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
63.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm và các ấn phẩm đòi truy)	4761

64.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm và các ấn phẩm đòi truy)	4762
65.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	5510
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ hoạt động của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	5610
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ hoạt động của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	5621
70.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	5629
71.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	5630
72.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
73.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
74.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá) Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản	6820(Chính)

75.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
76.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
77.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
78.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ Điều tra thu thập ý kiến của công chúng về những sự kiện chính trị)	7320
79.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
80.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
81.	Cho thuê xe có động cơ	7710
82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
83.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
84.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động tổ chức họp báo)	8230
86.	Dịch vụ đóng gói	8292
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ đấu giá)	8299
88.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
89.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
90.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính (trừ dạy về tôn giáo, các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	8559

91.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)	8560
92.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
93.	Hoạt động thể thao khác (không bao gồm Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ)	9319
94.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
95.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
96.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ hoạt động gây chảy máu)	9631
97.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
98.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
99.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
100.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
101.	Sản xuất giày, dép	1520
102.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
103.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024083000861

Địa chỉ thường trú: *Số 8, đường Mỹ Đình, Tổ dân phố số 7 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 37 Đường Bắc Hồng, Tổ 22, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 10/03/1983 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024083000861

Địa chỉ thường trú: Số 8, đường Mỹ Đình, Tổ dân phố số 7 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 37 Đường Bắc Hồng, Tổ 22, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội